

Một số suy tư về

Dự án Quy hoạch Thủy lợi chống ngập úng thành phố Hồ Chí Minh

Tô Văn Trường



TS. Tô Văn Trường, Viện trưởng Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam, đã có nhiều ý kiến góp ý cho bản Báo cáo "Dự án Quy hoạch Thủy lợi chống ngập úng thành phố Hồ Chí Minh". Vừa qua, ông đã viết bức thư gửi lãnh đạo Bộ Nông nghiệp & PTNT và các chuyên gia thủy lợi để nói rõ thêm một số suy tư của mình đối với dự án quan trọng này. Xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo.

BBT.

Mấy ngày hôm nay, tôi đắn đo, suy nghĩ mãi, rồi mới quyết định viết thư này gửi các anh- các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành-, những người có trách nhiệm về xây dựng Dự án quy hoạch Thủy lợi chống ngập úng thành phố Hồ Chí Minh. Sở dĩ, tôi phân vân là vì lãnh đạo Bộ sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng Thẩm định đã trình Chính phủ và bản dự thảo quyết định phê duyệt dự án chỉ còn chờ chữ ký của Thủ tướng.

Trong thời gian vừa qua, đối với dự án này, trong giới khoa học và những người làm công tác thủy lợi có 2 xu thế: (1) Ngại góp ý vì dự án rất phức tạp, nhạy cảm. Người góp ý không chỉ mất nhiều công sức, thời gian, mà còn dễ làm méch lòng lãnh đạo Bộ và những người trong cuộc. Nếu dự án được phê duyệt không chỉ có ý nghĩa chính trị giúp thành phố, mà trong ngành thủy lợi còn thêm nhiều công ăn, việc làm. (2) Bức xúc, không tán thành vì dự án còn nhiều bất cập từ ý tưởng đến bước đi do chưa thật phù hợp với thực tế. Các nhà khoa học tâm huyết như GS.TS. Phạm Phú, GS.TSKH. Lê Huy Bá, GS.TS. Nguyễn Tất Đắc, PGS.TS. Đoàn Cảnh, TS. Huỳnh Ngọc Triển, TS. Hồ Long Phi và nhiều nhà khoa học ở đại học Bách khoa và Hội Khoa học kỹ thuật TP.HCM, kể cả các nhà báo, đã điện thoại, e-mail, trao đổi với tôi những băn khoăn lo lắng về các mặt tồn tại, khiếm khuyết, chưa thật thuyết phục của dự án này. Khi nghe tôi phản hồi "NO COMMENTS", một số nhà khoa học vẫn rất nhiệt tình, trực tiếp đến tận cơ quan để thuyết phục tôi tham gia phản biện. Đến ngày 20/8/2008, tôi nhận được Công văn số 370/VKT của Viện Kinh tế TP.HCM đề nghị góp ý vào báo cáo của Ban Điều phối về đánh giá các quy hoạch tổng thể và thoát nước chống ngập khu vực TP.HCM. Lúc ấy, tôi hiểu mình cần phải làm cái gì đó để không phụ lòng tin của nhiều người.

Mấy đêm liền thức khuya, ngồi đọc đồng tài liệu hơn 1.000 trang với biết bao công thức toán học phức tạp, biểu đồ, hình vẽ minh họa cùng các con số, thông tin tư liệu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, nên tôi thực sự chia sẻ nỗi khó khăn, vất vả của các nhà khoa học làm nhiệm vụ thẩm định, phản biện Dự án. Cuộc sống vận động không ngừng, muốn phát triển, các ngành phải biết tập trung trí tuệ, đổi mới, thích nghi với thời đại. Trong hàng ngũ Bộ trưởng, có những người, tôi chỉ tiếp xúc vài lần như các anh Tạ Quang Ngọc, Mai Ái Trục, Phạm Khôi Nguyên nhưng rất có thiện cảm vì tôi nhận được ở họ là sự chân thành biết lắng nghe, tôn trọng, đối thoại với các nhà khoa học. Tuy nhiên, cuộc sống là bất phương trình chứ không phải phương trình, cho nên không phải lãnh đạo nào cũng nghe được những lời nói thật. Ngay bản thân tôi, cách đây 4 năm, tôi đã ngỡ ngàng xen chút thất vọng khi được nghe trực tiếp một vị lãnh đạo ở Bộ ta, răn bảo: “*Trong diện quy hoạch cán bộ, tốt nhất là im lặng!*”

Năm ngoái, công luận rất bức xúc trước tình trạng trì trệ của các dự án liên quan đến thoát nước và môi trường của TP.HCM. Tôi dành thời gian nghiên cứu, đi khảo sát thực tế, rồi viết thư gửi anh Ba (Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng) kèm theo là tài liệu phân tích các bất cập, độ vênh lớn giữa nhận thức của Việt Nam và phía tài trợ về các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, trong đó phân tích cụ thể các khuyết điểm của dự án Nhiều Lộ-Thị Nghè và đề xuất biện pháp khắc phục. Thủ tướng đã chỉ thị ngay cho Bộ Kế hoạch Đầu tư thành lập đoàn công tác vào Nam kiểm tra và thực tế ngày càng chứng minh các ý kiến đánh giá của tôi về dự án Nhiều Lộ-Thị Nghè là rất xác đáng (Báo Tuổi Trẻ, báo Người Lao động... cũng đã đề cập vấn đề này). Tôi hiểu góp ý của mình tuy ích nước, nhưng cũng làm một số người có trách nhiệm quản lý dự án ở thành phố, Công ty thi công của Trung Quốc và Công ty tư vấn giám sát dự án của Mỹ (CDM) không được vui. Chính phản biện đôi khi cũng nằm trong vòng xoay của nghịch lý. Vấn đề là cái nghịch lý đó diễn ra theo chiều nào, hướng cái thiện, cái đẹp, cái đúng về đâu. “Lý luận hình như đúng để chứng minh một điều mà ai cũng biết là sai” hay “Lý luận hình như sai để chứng minh một điều mà ai cũng biết là đúng”. Đây chính là cái ranh giới rất khó vượt qua và khó thông cảm giữa người phản biện và người “được phản biện” nếu không lấy cái thiện ý làm đầu.

Xin trở lại dự án Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng TP.HCM. Tôi tin rằng các anh đã đọc kỹ bài viết “***Suy nghĩ về phản biện và sự nghịch lý***” mang màu sắc và ý nghĩa của cả triết học lẫn khoa học. Chúng ta đều là những nhà khoa học trong ngành thủy lợi, tuy thuộc các thể hệ khác nhau, nhưng đều rất cần một thái độ chuyên nghiệp. Trong cuộc sống, tôi có nguyên tắc để các đồng nghiệp tôn trọng, cần lắm cái tâm, cái tình với nghề nghiệp mình trót đeo mang. Vì thế, những điều tôi đề cập dưới đây liên quan đến dự án quy hoạch thủy lợi chống ngập úng TP.HCM, rất mong được các anh thấu hiểu vì nếu làm khác đi, thì không còn là chính mình.

1. Trong quy hoạch thủy lợi, đặc biệt là quy hoạch tiêu, việc phân vùng quy hoạch là rất cần thiết. Theo tôi, **cách tiếp cận của dự án không hợp lý vì đã lấy ranh giới sông rạch làm chính để phân ra 3 vùng** là Vùng I (Bờ phải sông Sài Gòn-Nhà Bè), Vùng II (Kẹp giữa sông Đồng Nai-Sài Gòn), Vùng III (Bờ trái sông Nhà Bè-Soài Rạp) và xem đây là 3 vùng cơ bản để giải quyết ngập. Trong 3 vùng này, vùng nào cũng đều có ảnh hưởng mưa, triều và lũ, tuy ở mức độ có khác nhau. Xin lưu ý, trong tiêu thoát nước, phân vùng theo mục tiêu nguyên nhân gây ngập mới là quan trọng. Quan điểm chung của tiêu thoát nước là cao tiêu cao, thấp tiêu thấp, không để nước từ vùng cao chảy xuống vùng thấp. Vì thế, từ việc phân vùng mới xác định đâu là nguyên nhân chính để từ đó định hình được các giải pháp cơ bản nhất cho mỗi vùng.

Theo cách phân vùng của Dự án, rõ ràng với quan điểm triều là nguyên nhân gây ngập chính trên toàn bộ khu vực TP.HCM, nên Dự án đã đề xuất hàng loạt cống ngăn triều. Thực tế, trong các vùng ngập đó, diện tích ngập do triều không phải là quá lớn (có thể là lớn đối với diện tích nông nghiệp và đất hoang ở vùng ngập triều, nhưng không lớn đối với khoảng 100 điểm ngập hiện nay trong nội ô). Vì thế, nếu làm cống ngăn triều với mục tiêu gan triều, tiêu úng ở tất cả các cửa ra mà không tính đến hiệu quả thực tế cho từng nơi thì vô hình dung, chúng ta đã lãng phí một kinh phí rất lớn để hạ mực nước cho những khu vực không cần tiêu nước. Dự án đã không phân tích kỹ nguyên nhân gây ngập của 100 điểm ngập mà cứ đề xuất cống ngăn triều, trong khi thậm chí thủy triều lại chính là nguồn “sống” cho những khu vực đó (ví dụ như phần lớn quận 7, toàn bộ huyện Nhà Bè, một phần của huyện Bình Chánh, TP.HCM, các huyện Cần Đước và Cần Giuộc tỉnh Long An). Chẳng lẽ chỉ tiêu nước cho một ít khu vực bị ngập do triều ở đâu đó (mà Dự án chưa hề xác định cụ thể là triều đã gây ra ngập ở khu vực nào, điểm nào ở TP.HCM) mà chúng ta lại phải chống ngập do triều cho cả một vùng rộng lớn gấp hàng trăm lần diện tích ngập triều? Về vấn đề này, Dự án cần xem xét lại và kết hợp kỹ với quy hoạch phát triển không gian đô thị của khu vực TP.HCM để có những lý giải thỏa đáng khi giải quyết ngập úng cho từng vùng.

Một quy hoạch tiêu thoát nước hoàn chỉnh không chỉ giải quyết tốt nhiệm vụ được giao (đối tượng chính là ngập do triều và quan điểm đề xuất là cống ngăn triều) mà còn xác định được hướng giải quyết cho các đối tượng khác (mưa và lũ) với các giải pháp cơ bản khác (nâng nền, trạm bơm, khoanh vùng kết hợp...), không thể chỉ đề xuất làm hàng chục cống lớn là xem như xong nhiệm vụ. Nói như vậy không phải là không thể làm cống trên sông lớn để ngăn triều, bởi đây mới chính là bài toán cơ bản nhất cho tiêu thoát nước vùng ảnh hưởng triều, là hạ thấp mực nước trong vùng tiêu xuống bao nhiêu để không làm mất đi “nét đẹp” của triều nhưng vẫn đảm bảo “dung tích trống” để trữ và giữ mưa tạm thời nhằm tăng khả năng tiêu thoát. Ví dụ cụ thể là khu dân cư của đô thị mới Phú Mỹ Hưng

được phát triển hoàn toàn trên vùng đất thấp ngập triều, nhưng do có cao độ nền và hệ thống tiêu thoát nước hợp lý nên đâu có bị ngập úng, trong khi các sông, rạch đi ngang qua khu vực này không chỉ làm tăng thêm vẻ đẹp và cải tạo tiểu khí hậu mà còn giúp duy trì được mực nước ngầm một cách ổn định, tránh gây sụt lún.

Xin lưu ý, Dự án mới chỉ dừng ngay ở mức «chống ngập triều» mà chưa giải bài toán kết nối giữa triều và mưa. Tuy Dự án đã «rà» ngay rằng chỉ giải quyết ngập triều, song ngay cả khi không thực hiện chi tiết bài toán ngập do mưa, thì chí ít, Dự án cũng phải giải bài toán «triều-cửa tiêu mưa». Bởi ai cũng biết, nếu chỉ chú ý đến ngăn triều mà quên hẳn mưa, thì liệu bài toán ngăn triều nào còn có ý nghĩa? **Chỉ khi kết nối với bài toán tiêu mưa, bài toán ngăn triều mới có đủ cơ sở khoa học để trả lời các câu hỏi sau:**

- Mọi quan hệ giữa triều và mưa như thế nào?
- Để giúp tiêu mưa hiệu quả theo các Dự án tiêu thoát nước mưa mà TP.HCM đang tiến hành hiện nay, cần hạ mực nước triều ở từng vị trí cửa ra của cống tiêu bao nhiêu là đủ và hợp lý?
- Để giải quyết toàn bộ vấn đề ngập úng cho TP.HCM (ít nhất là đối với 100 điểm ngập hiện nay), cần bao nhiêu cống ngăn triều và ngăn ở đâu là hiệu quả và hợp lý hơn cả?
- Để giúp các Dự án tiêu mưa phát huy hiệu quả ngay sau khi hoàn thành, cần xây dựng cống ngăn triều nào trước?

Rất tiếc là Dự án của Bộ NN&PTNT đã không thể trả lời được các câu hỏi này.

2. Trong hồ sơ dự án, có 2 báo cáo về thủy lực. Tập 1 gồm 121 trang và tập 2 gồm 487 trang. Chuyên đề thủy lực được chỉ đạo và thực hiện bởi một tập thể các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực thủy văn, thủy lực và các cộng sự có năng lực chuyên sâu. Hai phần mềm MIKE11 và HYDROGIS đã được sử dụng, nên nhìn chung là thích hợp để làm công cụ mô phỏng chế độ thủy văn, thủy lực trong nghiên cứu này. Báo cáo chuyên đề thủy lực đã trình bày được các nội dung chủ yếu cần tính toán, nhiều thông tin, hình ảnh minh họa, trình bày đẹp và hấp dẫn. Tuy nhiên, Dự án cần nói rõ là tại sao phải sử dụng 2 mô hình và mỗi mô hình sẽ giải quyết những vấn đề gì hay chỉ để làm đối chứng lẫn nhau?

Các mặt còn tồn tại:

- Về mục tiêu (trang 31), báo cáo Thủy lực 1 là dùng các giải pháp thủy lợi giải quyết cơ bản tình trạng ngập lụt TP.HCM nhưng khi thực hiện lại chỉ tập trung vào giải pháp vòng ngoài!?

- Thông thường khi mô phỏng tình hình tiêu nước trong khu vực đô thị, người ta thường dùng mưa trận thiết kế chứ không dùng mưa bình quân ngày như trình bày trong Tập 1 của chuyên đề. Ở khu vực TP.HCM, hệ số tiêu mưa bình quân ngày tần suất 10% khoảng 7-10 l/s/ha, trong khi dùng mưa trận tại một số khu vực có mật độ xây dựng lớn, hệ số tiêu có thể lên đến 120-180 l/s/ha. Điều này sẽ làm giảm mực nước mô phỏng trên các kênh tiêu nước, có thể dẫn đến những nhận định sai lệch về khả năng tiêu nước của hệ thống kênh rạch hiện có và hiệu quả của các giải pháp thủy lợi.
- Sử dụng mô hình NAM để tính ra lượng nước mưa, từ đó đổ vào các điểm họng nhận nước. Mô hình NAM là mô hình sử dụng cho lưu vực, không thể áp dụng cho thành phố HCM. Việc dùng mô hình NAM để tính biên lưu lượng gia nhập cho các đoạn sông trong khu vực đô thị thường được một số công ty tư vấn nước ngoài ưa dùng nhưng theo chúng tôi không hợp lý vì thường cho ra kết quả thiên nhỏ. Việc quá tải và cần phải nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước của nhiều đô thị trên thế giới từ Châu Âu đến Nhật Bản, Hồng Kông có lẽ cũng một phần do việc xác định lưu lượng tiêu thiết kế trước đây thiên nhỏ khi áp dụng mô hình này. Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam đã tham gia tính toán thủy lực cho nhiều công ty tư vấn quốc tế nên hiểu rõ điều này.
- Tập 2 của báo cáo trình bày một mô hình rất chi tiết cho khu vực nghiên cứu gồm đến 1.560 nhánh sông, 13.000 mặt cắt và 4.459 ô trữ nước. Chúng tôi đánh giá cao mức độ chi tiết của mô hình. Tuy nhiên, xin lưu ý còn xa mới tiếp cận được thực tế vô vùng phức tạp ở vùng này. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, chất lượng mô phỏng chủ yếu được quyết định bởi khả năng tích hợp và khái quát hóa các thông số của lòng dẫn và mặt đệm cũng như tính hợp lý của việc sơ đồ hóa các thành phần trong hệ thống.
- Trong mô hình HYDROGIS chi tiết trình bày trong Tập 2, chúng tôi không thấy trình bày hệ thống đường ống thoát nước trong khu vực mà chỉ thấy một mạng lưới các ô trữ. Theo các thông tin mà chúng tôi biết, cách mô phỏng và sơ đồ hóa theo hướng này dường như chưa được dùng cho các vùng nghiên cứu có đặc điểm thủy văn, thủy lực tương tự ở những nơi khác và chưa tiếp cận được với thực tế ngập úng khu vực TP.HCM là vùng vừa có hệ thống sông/kênh hở, vừa có hệ thống cống ngầm kín.
- Mô hình tính ô nhiễm: Chúng ta đều biết quá trình làm sạch của dòng sông phụ thuộc vào hệ số chuyển hóa K1 (decay coeff.) và hệ số thấm khí K2. Trong mô hình tính ô nhiễm của báo cáo không có 2 hệ số này, làm sao có cơ sở để kết luận?
- Tính toán cân bằng trong ô ruộng dùng phương trình cân bằng áp dụng cho các chất bảo toàn (tốc độ chuyển hóa không ảnh hưởng nhiều) nhưng tính BOD (nhu cầu oxy sinh hóa) và DO (Oxy hòa tan) không dùng được luật cân bằng nếu không tính quá trình chuyển hóa.

$$Q_{0-0}^C = \sum_{j=0}^{0 \text{ in}} Q_{ji} C_j - \sum_{j=0}^{0 \text{ out}} Q_{ij} C_i, Q_{c-0}^C = \sum_{c=0}^{c \text{ in}} q_{ci} C - \sum_{c=0}^{c \text{ out}} q_{ic} C_i \quad (2.c)$$

Lan truyền chất ô nhiễm trong ô ruộng không giống như lan truyền mặn cho nên không thể sử dụng phương trình (2.c) nói trên.

- Số liệu dùng tính ô nhiễm và thủy lực trong Tập 1 dùng số liệu thủy văn 2003. Trong khi đó, số liệu tính toán ô nhiễm (Thủy lực 2) lại dùng tài liệu năm 1997. Khi sử dụng mô hình thủy lực MIKE 11, lấy biên lưu lượng của sông Vàm Cỏ, còn khi sử dụng HYDROGIS thì lại bỏ ảnh hưởng lưu lượng biên sông Vàm Cỏ vì coi như không ảnh hưởng đến TP.HCM. Kết quả là không có so sánh khi sử dụng đồng thời 2 mô hình nói trên!?

- Nếu xem kỹ 2 báo cáo thủy lực cho thấy 2 báo cáo đi theo 2 hướng khác nhau (về xây dựng kịch bản và phương án công trình), nên rất khó để đối chiếu kết quả.

- Trong báo cáo thủy lực Tập 1, một số kết quả tính toán xem ra chưa hợp lý và có vấn đề. Ví dụ khi thu hẹp các sông bằng các cống lớn, với lũ 1% và triều lớn nhất (Phụ lục 3, TH-5-0... TH5-14), tại Cát Lái nằm gần cống lớn nhưng mực nước lại gần như không thay đổi nhiều (từ 1,30-1,40 m hiện trạng lên 1,70-1,90 m phương án), nhưng tại Biên Hoà lại có sự nhảy vọt không thể hình dung nổi (từ 1,60-1,70 m hiện trạng lên 8,00-8,10 m phương án) !?

- Trong báo cáo Thủy lực Tập 2, ở trang 75 có xây dựng các tổ hợp biên với 19 phương án, song trong kết quả tính toán ở sau không thấy bảng tổng hợp theo 19 phương án này?. Trong tất cả kết quả các phương án trình bày trong Hình 6.62, mực nước cao nhất tại Vĩnh Cửu là khoảng 5,0 m và tại cầu Đồng Nai là khoảng 4,3 m. Trong khi đó, trong báo cáo Thủy lực Tập 2, như đã nói ở trên, mực nước tại Biên Hoà (nằm ở giữa Vĩnh Cửu và cầu Đồng Nai) có phương án lên đến trên 8,0 m ?.

- Trong báo cáo Thủy lực Tập 1, với các phương án hiện trạng TH0-1 đến TH0-2, tổng lượng lũ thoát qua Mương Chuối (4.576 và 4.874 triệu m³) lớn hơn tổng lượng qua Nhà Bè (530 triệu m³) có đúng không? Đặc biệt, với các phương án cống phía Nam cho vùng I, tổng lượng thoát qua Mương Chuối lớn gấp hơn 2 lần qua sông Đồng Nai tại Nhà Bè (Phụ lục 7). Điều này thật là vô lý.

Nếu đi sâu, còn rất nhiều vấn đề vô lý cho nên có thể **kết luận tính toán thủy lực ở dự án chỉ có giá trị tham khảo, không đủ cơ sở khoa học để áp dụng vào thực hiện dự án đầu tư.**

3. Việc chọn tần suất tính toán trong Dự án cũng không được thuyết phục. Đúng ra, Dự án phải có sự phân tích tình hình kinh tế-xã hội và hướng phát triển của TP.HCM để từ

đó đề xuất một tần suất thiết kế công trình chống ngập hợp lý sao cho đạt hiệu quả cao nhất về giảm ngập - kinh tế - môi trường. Bất kỳ thủ đô hay thành phố lớn nào trên thế giới cũng đều có thể bị ngập do mưa-lũ-nước biển dâng... khi mực nước (hay mưa) vượt quá thiết kế, bởi họ đã tính toán kỹ mối quan hệ giữa giảm thiểu và kinh tế, vì không thể chống ngập bằng mọi giá. Vậy đối với khu vực TP.HCM, mực nước thiết kế ứng với tần suất nào là hợp lý nhất? (nên lưu ý đề sông Hồng tại khu vực thủ đô Hà Nội thiết kế với tần suất 1% hay 0,5% là tần suất mực nước lũ tại Hà Nội, không phải tổ hợp tần suất lũ 1% hay 0,5% trên tất cả các nhánh sông Đà, sông Thao và sông Lô) và mưa 10% trong nội đô.

Dự án chọn lũ thượng lưu 1% (100 năm) và 0,5% (200 năm) làm lũ thiết kế. Tuy nhiên, khác với thiết kế hệ thống đê, khi chọn tần suất tiêu thoát nước nội đồng TP.HCM cần làm rõ mực nước thiết kế tại khu vực TP.HCM là 1% và 0,5% (ứng với các tổ hợp khác nhau) hay lưu lượng lũ thiết kế thượng lưu 1% và 0,5%?. Nếu tạo ra một tình huống lũ thượng lưu với lưu lượng 1% và 0,5%, thủy triều cao và mưa tại chỗ 10%, thì có lẽ đây là tổ hợp bất lợi nhất gây nên mực nước tại Phú An và Nhà Bè ở tần suất trên 1.000 năm, chưa kể bão gió cấp 11 và nước biển dâng 70 cm thì có lẽ mực nước tại 2 nơi này phải tương đương tần suất 0,0000001% (1 tỷ năm). Trong ngành thủy lợi, tổ hợp tần suất được xem là bài toán cơ bản nhất để chọn tần suất thiết kế công trình. Đề nghị Dự án xem lại vấn đề này để có lý giải hợp lý hơn khi chọn tần suất thiết kế cho hệ thống công trình.

4. Trong quy hoạch phát triển nói chung và quy hoạch thủy lợi (trong đó có quy hoạch tiêu thoát nước), một dự án quy hoạch được xem là có chất lượng cao khi đảm bảo:

- Phương án quy hoạch tổng thể tốt, đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu đề ra.
- Bước đi phù hợp và đạt hiệu quả tương ứng với tiến độ thực hiện quy hoạch.
- Không mâu thuẫn với những phát triển lâu dài.

Các tính toán cho thấy quy hoạch tổng thể được xem là tốt. Tuy nhiên, với tất cả các phương án và trường hợp tính toán, Dự án chỉ đưa ra kết quả mực nước tại cầu Rạch Đĩa cho vùng I và cầu Giồng Ông Tố cho vùng II, nhưng trong tất cả các báo cáo không hề có bản đồ, hình vẽ hay bảng biểu chỉ dẫn vị trí cầu Rạch Đĩa và cầu Giồng Ông Tố nằm ở đâu? Và thời đoạn trích mực nước tại cầu Rạch Đĩa vào lúc nào (vì nếu bài toán thủy lực chỉ tính cho 8 ngày (11/11/2000-18/11/2000) thì chưa chắc các trị số trích trong báo cáo đối với cầu rạch Đĩa đã là phù hợp, bởi chưa mô tả hết tính tích triều trong một chu kỳ triều 15 ngày. Kết quả này cũng cho thấy nếu 2-3 năm đầu tiên xây dựng các cống Mương Chuối, Phú Xuân và sông Kinh (kinh phí khoảng 1.600 tỷ đồng) thì mực nước tại cầu rạch Đĩa cũng chỉ mới giảm được 15 cm (và chắc đây là nơi giảm nhiều nhất nên mới được trích dẫn), và như vậy, chắc chắn vùng trung tâm TP.HCM cũng sẽ chưa được cải thiện gì nhiều. Ở đây, cũng cần xem lại bài toán thủy lực, bởi với phương án 2-11 chỉ thêm mỗi

cống Rạch Tra-An Hạ ở một khu vực phía Tây thì mực nước tại cầu rạch Đĩa đang từ 0,90 m với các cống phía Nam thành phố sẽ tăng vọt lên 1,49 m và sau đó, với phương án 2-12 có cống Kinh Lộ, mực nước tại Rạch Đĩa lại tụt xuống 0,79 m? Cuối cùng, với cống Ông Lớn (Cần Giuộc), mực nước tại rạch Đĩa đang từ 0,70 m hạ xuống chỉ còn 0,11 m?

5. Báo cáo thủy công chỉ có giá trị khi tính toán lại các báo cáo thủy lực. Tuy nhiên, người đọc thấy một số điểm chính sau đây:

A. Đối với vùng I

Tiêu chuẩn thiết kế công trình và về xây dựng nên lấy:

- Cao trình đê được thiết kế với bài toán 4 (lũ tháng 10 năm 2000, mực nước triều cao tại Vũng Tàu 1,54 m, nước biển dâng do bão cấp 11, mưa nội vùng thời đoạn 180 phút với tần suất 10% và nước biển dâng 0,7 m do biến đổi khí hậu) cho các loại sau:
- Đê bao ven các sông lớn: Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè, Soài Rạp và Vàm Cỏ (đê bao ngoài) đối với trường hợp bao kín, xây dựng 12 cống trên các kênh rạch lớn.
- Đê bao ven các kênh rạch chính (bao trong) của trường hợp không bao kín toàn bộ, để ngỏ một số kênh rạch lớn có ý nghĩa về giao thông.
- Các đê bao còn lại thiết kế với bài toán 1.
- Các cống trên kênh rạch lớn: Bến Nghé, Tân Thuận, Phú Xuân, Mương Chuối, Sông Kinh, Kinh Lộ, Kinh Hàng, Thủ Bộ, Bến Lức và Kênh Xáng lớn xây dựng ở các bước sau, khi mà thấy rõ ảnh hưởng biển dâng tác động đến TP.HCM.

Biện pháp công trình

Giả sử có được phê duyệt thực hiện phương án đê bao ven các sông lớn thì cũng không được hoàn toàn khép kín. Một số kênh rạch chính được để ngỏ gồm: Tàu Hũ - Bến Nghé, Kênh Đồi-Kênh Tẻ, Chợ Đệm, Cần Giuộc, Cây Khô, Mương Chuối, Phú Xuân, Sông Kinh và kênh Xáng Lớn. Cụ thể là:

- Vùng bờ hữu ven sông Sài Gòn (Tiểu vùng Nam Rạch Tra, bắc Rạch Tra, TL8 đến Bến Súc) xây dựng tuyến đê bao khép kín và các cống kiểm soát triều, lũ ven sông Sài Gòn (như phương án báo cáo đề nghị).
- Vùng bắc sông Chợ Đệm (hệ thống Rạch Tra-Thầy Cai-An Hạ) nạo vét và mở rộng các trục chính và xây dựng các cống chính: Rạch Tra, Thầy Cai, An Hạ, Kênh A, B, C để ngăn mặn, lũ, tiêu thoát úng và cải tạo đất trong vùng.
- Vùng nội thành cũ: Gồm các dự án tiêu thoát và vệ sinh môi trường: Nhiều Lộc- Thị Nghè, Tân Hóa-Lò Gốm, Tàu Hũ-Bến Nghé, rạch Hàng Bàng, Kênh Đồi-Kênh Tẻ, Vàm

Thuật-Bến Cát-Tham Lương-Nước Lên. Hệ thống kiểm soát triều chống ngập: Bình Triệu-Bình Lợi-Rạch Lãng-Cầu Bông, Rạch Văn Thánh, Mễ Cốc 1, Mễ Cốc 2, ... các dự án này đã và đang chuẩn bị thực hiện. Giải pháp công trình các dự án đã được phê duyệt.

Để tiêu vùng giáp nước và thấp khu phía Tây và Tây-Nam thành phố, cần bổ sung một số giải pháp hỗ trợ thêm như sau:

- Cửa kênh Tân Hóa - Lò Gốm cần phải làm cống và hạ lưu vực phải có thêm khu chứa điều tiết nước mưa.
- Hệ thống tiêu thoát kênh Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên, cần phải xây cống ở hai đầu và tăng thêm khu chứa điều tiết nước mưa.
- Các điểm ngập thấp và xa cửa thoát nước tiêu ra kênh trục chính, có thể phải bố trí thêm trạm bơm hỗ trợ (đặt tại cửa cống thoát ra kênh trục).
- Vùng Nam Sài Gòn: trong Giải pháp xây dựng hệ thống bao đê, cống các tiểu vùng theo dọc các kênh rạch chính (bao). Kênh rạch chính để ngỏ: Tàu Hũ - Bến Nghé, Kênh Đôi - Kênh Tẻ, Chợ Đệm, Cần Giuộc, Cây Khô, Mương Chuối, Phú Xuân, Sông Kinh.

Phân lũ trong vùng, ra ngoài bằng hệ thống Đồng Môn - Thị Vải và Rạch Tra - Thầy Cai - An Hạ. Giải pháp giảm lũ hạn chế do không có các công trình đập trên sông Đồng Nai và Sài Gòn. Giải pháp không bắt buộc phải đặt ra.

- Viện Quy hoạch Thủy lợi miền Nam đang nghiên cứu xây dựng phương án bảo vệ môi trường và phát triển giao thông thủy để khôi phục hệ sinh thái cho sông Thị Vải. Lưu vực sông Thị Vải chỉ rộng khoảng 300 km², phần thượng nguồn là 2 suối nhỏ, dòng chảy không đáng kể, đặc biệt là mùa khô. Dòng chảy sông Thị Vải chỉ dài 40 km, hoàn toàn do thủy triều biển Đông chi phối. Có thể coi sông Thị Vải như là sông cạn, đang hấp hối trong thảm họa môi trường Hệ sinh thái rừng ngập mặn ven sông Thị Vải và cửa sông Gành Rái đang tàn lụi. Dự kiến giải pháp công trình là tạo ra dòng chảy để pha loãng và đẩy ô nhiễm lúc chân triều thấp. Nếu đào kênh chuyển nước từ sông Đồng Nai sang sẽ vô hình dung hợp thức hóa việc pha loãng nguồn xả thải, đồng thời làm phức tạp thêm tình hình ô nhiễm và lấy nước trên sông Đồng Nai vào mùa khô, làm thay đổi quần thể rừng ngập mặn Cần Giờ.

Biện pháp công trình nội vùng

- Phương án đề nghị bao đê vùng ngoài với xây dựng 12 cống chính lớn tại các cửa kênh rạch lớn đổ ra sông Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè, Soài Rạp, Vàm Cỏ Đông (nhất là các kênh rạch tiểu vùng nam Sài Gòn: Tàu Hũ - Bến Nghé, Kênh Đôi - Kênh Tẻ, Chợ Đệm, Cần Giuộc, Cây Khô, Phú Xuân, Mương Chuối và sông Kinh. Việc xây dựng các

cống Nam Sài Gòn (trừ trường hợp Phương án đề bao trong), **về mặt kỹ thuật không bảo đảm được yêu cầu nhiệm vụ tiêu thoát cần được cân nhắc và xem xét lại bởi vì:**

- Ảnh hưởng đến giao thông trong vùng và giữa các vùng đối với đồng bằng sông Cửu Long, do đây là những kênh rạch có ý nghĩa rất quan trọng đối với với giao thông thủy.

- Phương án báo cáo đề nghị (đề bao khép kín vòng ngoài) chỉ phát huy hiệu quả khi hệ thống đề công toàn vùng được xây dựng xong khép kín. Vì vậy phương án sẽ không phù hợp (hiệu quả) cho khi phân đoạn xây dựng từng bước (khai thác vốn). Cụ thể, theo báo cáo hiệu quả công trình xây dựng bước 1 (chỉ xây dựng 5 cống, chưa xây dựng 7 cống lớn còn lại, các kênh Tàu Hũ - Bến Nghé, Kênh Đồi-Kênh Tẻ, Chợ Đệm,... còn bỏ ngỏ) mực nước trên kênh Tàu Hũ quận 6 giảm được 34 - 60 cm, và cũng theo báo cáo (trang 83) mực nước trên các sông lớn Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè, Vàm Cỏ,... sau khi xây dựng bước 1 tăng cao hơn so với khi chưa có công trình. Vì vậy, **hiệu quả giảm mực nước trên kênh Tàu Hũ quận 6 như báo cáo là không thể có được** (chưa nói có thể là xấu hơn). Hiệu quả có được có thể chỉ hạn chế ở tiểu vùng Nam Sài Gòn (khu gần cống). Điều này nói lên hiệu quả chống ngập bước 1 sẽ thấp so với vốn đầu tư. Khác với phương án trên, phương án bao đề theo các kênh rạch chính (bao trong) có vốn đến đâu, thì đầu tư hoàn chỉnh và phát huy tốt đến đó.

- Các hệ thống tiêu thoát trong vùng I có liên quan đến phương án đề nghị bao đề và làm cống vòng ngoài (đối với xây dựng các cống lớn tiểu vùng nam Sài Gòn) là: Tàu Hũ - Bến Nghé, Tân Hóa - Lò Gốm, Rạch Hàng Bàng và một phần hệ thống Bến Cát - Tham Lương - Nước Lên, Rạch Tra - Thầy Cai - An Hạ. Hiện nay, các dự án này đã và đang được xây dựng với nhiệm vụ tiêu thoát và vệ sinh môi trường. Xin lưu ý, khi các dự án này đã giải quyết được tiêu thoát trong lưu vực rồi thì **hệ thống cống bao lớn như đề nghị trong báo cáo không cần thiết nữa**. Tiểu vùng nam Sài Gòn có thể tiêu tốt với phương án bao đề trong vì trong vùng hệ thống kênh rạch dày, kênh sâu và rộng, biên độ triều lớn và chân triều thấp.

- Phương án xây cống trên các kênh rạch chính ven các sông lớn là rất bất lợi vì nguồn vốn lớn, kỹ thuật xây dựng và quản lý phức tạp, ảnh hưởng về môi trường, đặc biệt là hạn chế và gây khó khăn cho giao thông thủy vv...

B. Đối với vùng II

Đập cao su tại các vị trí cầu giao thông không cần phải làm vì cao trình đề bao ven sông lớn và kênh rạch chính bỏ ngỏ trong vùng đã được tính với trường hợp bài toán 4 (như tiêu chuẩn thiết kế công trình nêu ở trên). Vì vậy, không có lý do gì phải làm đập cao su để chống hiện tượng nước biển dâng.

6. Các báo cáo về kinh tế, đánh giá tác động môi trường vv... đã góp ý chi tiết những mặt còn tồn tại trong bài viết « Suy nghĩ về phản biện và sự nghịch lý » nên tôi không nêu ra ở đây.

7. Một trong những tồn tại lớn nhất của quy hoạch thủy lợi chống úng TP.HCM lần này là việc không biết khắc phục điểm phiến diện của các quy hoạch tiêu thoát nước liên quan trước đây, cụ thể là quy hoạch tiêu thoát nước TP.HCM do JICA trợ giúp thực hiện. Bài toán quy hoạch của JICA đã không nhìn nhận các vấn đề có tầm rộng hơn tức bài toán triều mà chỉ tập trung vào vấn đề mưa của khu vực nhỏ hẹp trong khi đó quy hoạch này lại làm điều ngược lại tức là chỉ chú trọng nhìn vấn đề rộng bên ngoài mà không kết nối một cách rõ ràng, khoa học với bài toán cụ thể bên trong thành một hệ thống thống nhất. Giá mà việc kết nối bài toán tiêu thoát nước mưa ở khu vực nội thành và bài toán ngăn triều được thực hiện một cách đồng bộ, nhịp nhàng thì chắc hẳn những giải pháp đề xuất cho việc chống ngập úng thực tế hơn nhiều. Điều này cho thấy **phương pháp thực hiện dự án quy hoạch rõ ràng là không ổn từ ý tưởng đến bước đi trong quá trình thiết lập dự án**, hay nói cách khác đã gò ép lấy quy hoạch làm công cụ để minh họa cho ý tưởng có sẵn không phù hợp cả về mặt khoa học lẫn thực tiễn.

Bài toán quy hoạch là bài toán phức tạp và tổng thể. Sự thành công của quy hoạch chính là việc biết kết hợp một cách có khoa học các vấn đề cụ thể cộng thêm tầm nhìn có tính dự báo một cách khoa học. Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng TPHCM sẽ thành công nếu biết kết nối một cách nhịp nhàng giữa cách nhìn có kinh nghiệm, thực tiễn và khoa học của các nhà khoa học với bài toán cụ thể của TP.HCM. Ngoài ra, việc xây dựng một quy hoạch là cả một quá trình tích lũy kinh nghiệm, kế thừa, chiêm nghiệm và chọn lọc một cách có khoa học và do vậy cần phải có thời gian thực hiện nhất định. Việc thực hiện quy hoạch trong một thời gian quá ngắn cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên. « Dục tốc bất đạt », ông cha đã dạy cần phải suy ngẫm.

Kết luận:

Ngành thủy lợi trong các thập niên vừa qua đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tuy nhiên, về công nghệ còn khá tụt hậu so với ngành giao thông và xây dựng. Các bài học về tầm nhìn, đầu tư không đồng bộ, chưa coi trọng đúng mức về công tác phản biện nên một số công trình xây dựng đã gây tác hại đến môi trường hoặc lãng phí như công trình Tắc Thủ, cống Chà Và, Thâu Râu vv...cho đến nay vẫn còn mang tính thời sự.

Các đợt mưa trong tháng 8 năm nay, làm ngập khá nhiều ở TP.HCM. Giả sử dự án quy hoạch chống ngập úng TP.HCM do Bộ NN-PTNT đề xuất đã hoàn thành (hơn 11 ngàn tỷ đồng) cũng không giải quyết được vấn nạn này. Đại diện Trung tâm chống ngập lụt

TP.HCM mới thảo luận với chúng tôi phải làm gì, làm như thế nào để giải quyết việc chống ngập. Trước mắt, phải đẩy mạnh tiến độ các dự án thoát nước mưa và vệ sinh môi trường, tiến hành các giải pháp cấp bách tiêu thoát úng cho số điểm ngập trọng điểm của thành phố. Đồng thời phải rà soát, đánh giá lại các dự án thoát nước của JICA (Nhật Bản), các dự án tiêu thoát nước của TP.HCM và dự án quy hoạch chống ngập úng TP.HCM của Bộ NN-PTNT để có phương án tổng thể giải quyết bài toán chống ngập có tính chất căn cơ, hệ thống trước mắt cũng như lâu dài.

Lúc này, tôi lại nhớ đến các thủ trưởng cũ: Nguyễn Cảnh Dinh, Lê Huy Ngọ, Phan Sỹ Kỳ, Nguyễn Đình Thịnh. Nếu các anh ấy còn tại vị, tôi tin rằng họ sẽ không thể ký quyết định trình Chính phủ một dự án quan trọng, phức tạp lại làm vội vã đến thế! Nhớ về các anh lãnh đạo thời ấy, tuy không phải mọi việc đều trọn vẹn nhưng dấu ấn họ để lại là những người am hiểu ngành nghề, biết lắng nghe, thận trọng, và nói chung, thu hút được lòng người.

Các nhà khoa học và đồng nghiệp sau khi đọc bài viết «Suy nghĩ về phản biện và sự nghịch lý» đều rất tán thành và chia sẻ quan điểm với người viết. Tôi xin chân thành cảm ơn GS.TSKH. Phạm Hồng Giang, Chủ tịch Hội đồng thẩm định dự án nhận xét bài viết nói trên hay, sắc sảo và sẽ cho post lên mạng của Hội Đáp lớn để mọi người tham khảo. Tôi nghĩ việc làm cần thiết nhất lúc này là những người có trách nhiệm ở Bộ phải **mạnh dạn báo cáo, đề nghị Chính phủ cho thêm thời gian để rà soát lại, chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh dự án**. Lúc này đã 2 giờ sáng, mặc dù biết rằng các anh không thể phản bác được các điểm tôi nêu ở trên, nhưng lòng mình cũng không còn nặng trĩu nên xin được tạm dừng ở đây.

. TP Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 9 năm 2008